

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HÀ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 04 - 03 - 2020.
V/v : Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồ.

2. Bà Nguyễn Thị Lân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn T3 Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị H1 trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T1 chung sống với nhau từ năm 2001 tại thôn 1 xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên anh, chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến đầu năm 2012 thì chị và anh Hoàng Văn T1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh, chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xô xát, cãi vã. Mặc dù anh, chị đã cố gắng hàn gắn, nhưng tình cảm không được cải thiện và ngày càng trầm trọng. Do đó anh, chị

đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Sau khi ly thân, anh T1 vẫn sinh sống tại thôn 1, xã Q1, huyện Hải Hà còn chị đã về quê ngoại ở Lạng Sơn sinh sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Hoàng Văn T1.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Hoàng Văn T1 trình bày: Anh thừa nhận về thời gian, quá trình vợ chồng chung sống nhưng không đăng ký kết hôn; mâu thuẫn và nguyên nhân như chị Hoàng Thị H1 trình bày là đúng. Từ năm 2012 đến nay anh chị đã ly thân; chị H1 đã bỏ về Lạng Sơn sinh sống, còn anh vẫn sống tại thôn 1 xã Q1, huyện Hải Hà. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng thống nhất đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Hoàng Thị H1.

Về con chung, anh Hoàng Văn T1 và chị Hoàng Thị H1 cùng xác nhận: anh, chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thị T2, sinh ngày 04/6/2002 và cháu Hoàng Văn T3, sinh ngày 12/02/2004. Anh, chị thống nhất thỏa thuận: anh T1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu Hoàng Thị T2 và Hoàng Văn T3 đến khi đủ 18 tuổi, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh, chị cùng xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung giữa chị Hoàng Thị H1 và anh Hoàng Văn T1. Riêng về quan hệ hôn nhân, chị Hoàng Thị H1 và anh Hoàng Văn T1 chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hai đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong Đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải ngày 04/02/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H1 đối với bị đơn anh Hoàng Văn T1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H1 và anh Hoàng Văn T1. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị T2 và Hoàng Văn T3 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung do anh, chị không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Hoàng Thị H1 và anh Hoàng Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”; bị đơn anh Hoàng Văn T1 có địa chỉ cư trú tại thôn 1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H1, anh T1 theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: chị H1 và anh T1 chung sống với nhau từ năm 2001, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn (theo Biên bản xác minh ngày 18/02/2020 tại UBND xã Q1, huyện Hải Hà). Tòa án đã phân tích, động viên để các bên trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng các bên đều xác định quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị Hoàng Thị H1 và anh Hoàng Văn T1 đều thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa anh, chị. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H1 và anh Hoàng Văn T1.

- Về con chung: chị H1 và anh T1 cùng xác nhận có 02 người con chung là cháu Hoàng Thị T2, sinh ngày 04/6/2002 và cháu Hoàng Văn T3, sinh ngày 12/02/2004. Cả hai đã thống nhất thỏa thuận: Anh T1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu đến khi đủ 18 tuổi, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Thỏa thuận nuôi con chung này của anh T1 và chị H1 cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu là muốn được ở với bố là anh Hoàng Văn T1 (được thể hiện tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2020). Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao 02 cháu là Hoàng Thị T2 và Hoàng Văn T3 cho anh T1 nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do anh T1 và chị H1 đã tự nguyện thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh Hoàng Văn T1 và chị Hoàng Thị H1 đều thừa nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 điều 9; Khoản 1 điều 14; Điều 15; Khoản 2 điều 53; Các điều: 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H1 và anh Hoàng Văn T1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Hoàng Thị T2, sinh ngày 04/6/2002 và cháu Hoàng Văn T3, sinh ngày 12/02/2004 cho anh Hoàng Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được phép cản trở; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H1 phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006804 ngày 06/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà (Chị H1 đã nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hương Lan

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hải Hà;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hà;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Hương Lan